

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 166 ngày 12/7/2021
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC: VP. D. L. B. S.
	Phòng: VP. D. L. B. S.
Sao:	

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02-AVF/AVFOOD/2021

SỞ CÔNG THƯƠNG HUNG YÊN	
ĐẾN	Số:
	Ngày:
	Chuyên:
	Lưu hồ sơ số:

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ÂU VIỆT

Địa chỉ: Thôn Tạ Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02437723673 Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0901020788

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sữa tươi tiệt trùng 3.2% chất béo

2. Thành phần: Sữa tươi nguyên chất

Giá trị dinh dưỡng 100ml, protein- 3,1gr, chất béo - 3,2gr, carbohydrate - 4,7 gr, calo: 250 kJ (60 kcal)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 360 ngày kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Hộp giấy cứng đựng sữa chuyên dụng

Quy cách đóng gói: Hộp 1L; Hộp 250ml ; lốc 3 hộp, mỗi hộp 250ml

5. Thông tin nhà sản xuất: Công ty Cổ phần "Molochny Mir"

Địa chỉ pháp lý: 28 đường Gaspardartchaya, 230005 Grodno, Nước Cộng hòa Belarus

Địa chỉ sản xuất: 28 đường Gaspardartchaya, 230005 Grodno, Nước Cộng hòa Belarus

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 5:1-2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sữa lỏng

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phương Mai

Nhãn phụ trên thùng 12 hộp 1L sữa tươi tiệt trùng 3,2% chất béo



SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG 3,2% chất béo

Trọng lượng tịnh - 12.336 kg

Tổng trọng lượng (cả bao bì) - 12.920 kg

Thể tích đóng gói – 1.0 lít / hộp

Số lượng đóng gói - 12 hộp

Số lô hàng: Xem trên nhãn chính đính kèm

Số hộp: Xem trên nhãn chính đính kèm

Xuất xứ: Belarus

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 360 ngày kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 25 ° C. Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 25 ° C trước khi mở nắp. Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 6 ° C trong vòng 24 giờ sau khi mở nắp.

Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần “Molochny Mir”

Địa chỉ pháp lý: 28 đường Gaspardartchaya ,230005 Grodno, Nước Cộng hòa Belarus

Địa chỉ sản xuất: 28 đường Gaspardartchaya ,230005 Grodno, Nước Cộng hòa Belarus

Chịu trách nhiệm nhập khẩu: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và chế biến thực phẩm Âu Việt

Địa chỉ: Thôn Tạ Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Nhãn phụ sản phẩm dán trên hộp 1L
sữa tươi tiệt trùng 3,2% chất béo**



SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG 3,2% chất béo

Thành phần: Sữa tươi nguyên chất

Giá trị dinh dưỡng 100gr: Protein– 3,1 gr, chất béo – 3,2 gr, carbohydrate– 4,7 gr, calo: 250 kJ (60 kcal)

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp để uống và nấu ăn

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 25 ° C trước khi mở nắp.

Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 6 ° C trong vòng 24 giờ sau khi mở nắp.

Thể tích thực: 1.0 lít

Xuất xứ: Belarus

NSX: Xem trên bao bì

HSD: 360 ngày kể từ ngày sản xuất

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm đã quá hạn sử dụng. Không dùng cho người dị ứng với đạm sữa bò, không dung nạp đường lactose.

Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần “Molochny Mir”

Địa chỉ pháp lý: 28 đường Gaspadartchaya ,230005 Grodno, Nước Cộng hòa Belarus

Địa chỉ sản xuất: 28 đường Gaspadartchaya ,230005 Grodno, Nước Cộng hòa Belarus

Chịu trách nhiệm nhập khẩu: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và chế biến thực phẩm Âu Việt

Địa chỉ: Thôn Tả Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

BẢN DỊCH

Drinking milk sterilized fat content 3,2%

STB 1746-2017

Ingredients: milk normalized. Nutritional value of 100ml of product (average values): protein- 3,1g; fat – 3,2g; carbohydrates – 4,7g. Enery value – 60kcal (250 kJ)

Production date (day,month, year), best before date (day,month, year) are indicated on the top of the package. Store in the original package at temperatures from 0 C to 25 C. After opening store for two days at temperature (4-2) C

Manu facturer: JSC (Molochny Mir)

Republic of Belarus, 230005 Grondno, Gaspadartchaya str, 28,

Tel + 375152 43 01 72

Fax + 375 17 210 83 51

e-mail: kis@milk.by

Sữa uống tiệt trùng 3,2% chất béo

Thành phần: Sữa tươi nguyên chất

Giá trị dinh dưỡng 100ml: Protein– 3,1 gr, chất béo – 3,2 gr, carbohydrate– 4,7 gr, calo: 60kcal (250 kJ)

Ngày sản xuất (Ngày, tháng, năm), ngày sử dụng tốt nhất (ngày, tháng, năm) được in trên hộp. Bảo quản nguyên hộp ở điều kiện nhiệt độ từ 0-25 độ C. Sau khi mở hộp, bảo quản trong 2 ngày ở nhiệt độ 4 độ C (cộng trừ 2 độ)

Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần “Molochny Mir”

Địa chỉ: 28 đường Gaspadartchaya ,230005 Grodno, Nước Cộng hòa Belarus

Tel: + 375 152 43 01 72

Fax + 375 17 210 83 51

Email: kis@milk.by



CHỨNG NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH THUẬT QUỐC TẾ NAM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 20/365 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội

Email: tuvannamhanoi@gmail.com

ĐT: 024.36280340 / 0942.942.822

CHỨNG NHẬN BẢN DỊCH

Hôm nay, ngày 16 tháng 03 năm 2021 (Ngày mười sáu, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi một)

- * Bản dịch này do bà Lê Thị Chà, CCCD số: 001186014997 cấp ngày 06 tháng 03 năm 2017 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp, là cộng tác viên biên dịch tiếng Anh của Công ty cổ phần Dịch thuật Quốc tế Nam Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt Nam.
- * Chữ ký trong bản dịch là chữ ký của bà Lê Thị Chà.
- * Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;

Số bản dịch: 273 Quyền số: 01/2021 CN/BD-NHN

BIÊN DỊCH VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Chà



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lại Mạnh Trường



EN Drinking milk sterilized fat content 3,2%

STB 1746-2017

Ingredients: milk normalized. Nutritional value of 100 ml of product (average values):
proteins - 3,1 g; fats - 3,2 g; carbohydrates - 4,7 g. Energy value - 60 kcal (250 kJ).
Production date (day, month, year), best before date (day, month, year) are indicated
on the top of the package. Store in the original package at temperatures from 0 °C to
to 25 °C. After opening store for two days at temperature $(4 \pm 2) ^\circ\text{C}$.

Manufacturer: JSC «Molochny Mir»
Republic of Belarus, 230005 Grodno,
Gaspadartchaya str. 28 Tel: +375 152 43-01-72,
fax +375 17 210-83-51; e-mail: kis@milk.by



СДЕЛАНО В БЕЛАРУСИ
3,2%
ОТБОРНОЕ



МОЛОКО
MILK



БЕЛКИ ЖИРЫ УГЛЕВОДЫ
3,1 3,2 4,7



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
 VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1293B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
 VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
 Hotline: 19001065 Email: ktan@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

BẢN SAO

Số/No.: 6199/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample: Sữa tươi tiệt trùng 3,2% Chất béo
UHT fresh milk 3.2% fat
2. Mã số mẫu/ Sample code: 03211612/DV.2
3. Mô tả mẫu
Sample description: Nguyên hộp 1 lít không có tem nhãn phụ - Số lượng: 1
NSX: 21/01/2021 - HSD: 21/01/2022; Không có mẫu lưu
Intact carton 1 liter, no Vietnamese additional label - Quantity: 1
MFG: 21/01/2021 - EXP: 21/01/2022; No storage sample
4. Số lượng mẫu
Number of sample: 01 mẫu
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu
Storage time of sample: Không có
No storage
6. Ngày nhận mẫu
Sampling received date: 08/03/2021
7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: 08/03/2021 - 16/03/2021
8. Nơi gửi mẫu
Customer: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu & chế biến thực phẩm Âu Việt
Địa chỉ: Thôn Tạ Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động,
Tỉnh Hưng Yên, Việt nam
Au Viet Food Import - Export And Manufacture Joint Stock Company
Address: Ta Thuong Hamlet, Chinh Nghia Commune, Kim Dong District,
Hung Yen Province, Vietnam
9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s): Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật
Physicochemical and Microbiological tests

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	<i>L. monocytogenes</i>	/25g	ISO 11290-2:2017	KPH/ ND
9.2*	Enterobacteriaceae	CFU/g	ISO 21528-2:2017	KPH/ ND (LOD: 1 CFU/g)
9.3*	Hàm lượng Protein sữa Milk Protein content	g/100mL	TCVN 8099-1:2015	3,31
9.4*	Tỷ trọng ở 20 °C Density at 20 °C	g/mL	NIFC.05.M.197	1,030
9.5*	Hàm lượng Chì Lead content	mg/kg	AOAC 2015.01(ICP-MS)	KPH/ ND (LOD: 0,004 mg/kg)
9.6*	Hàm lượng Thiếc Tin content	mg/kg	NIFC.03.M.45(ICP-MS)	KPH/ ND (LOD: 0,01 mg/kg)
9.7*	Hàm lượng Clortetracyclin Clortetracyclin content	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 5 µg/kg)
9.8*	Hàm lượng Oxytetracyclin Oxytetracyclin content	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 5 µg/kg)
9.9*	Hàm lượng Tetracyclin Tetracyclin content	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 5 µg/kg)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
 4. (*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngõ Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hai Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktmm@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.10*	Hàm lượng Aflatoxin M1 <i>Aflatoxin M1 content</i>	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,01 µg/kg)
9.11*	Hàm lượng Gentamicin <i>Gentamicin content</i>	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 15 µg/kg)
9.12*	Hàm lượng Streptomycin <i>Streptomycin content</i>	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 15 µg/kg)
9.13*	Hàm lượng Aldrin <i>Aldrin content</i>	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,001 mg/kg)
9.14*	Hàm lượng DDT <i>DDT content</i>	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,001 mg/kg)
9.15*	Hàm lượng Dieldrin <i>Dieldrin content</i>	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,001 mg/kg)
9.16*	Hàm lượng Endosulfan <i>Endosulfan content</i>	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,001 mg/kg)
9.17*	Hàm lượng Dihydrostreptomycin <i>Dihydrostreptomycin content</i>	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 15 µg/kg)
9.18*	Hàm lượng Benzylpenicilin <i>Benzylpenicilin content</i>	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,5 µg/kg)
9.19*	Hàm lượng Procain benzylpenicilin <i>Procain benzylpenicilin content</i>	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,5 µg/kg)
9.20*	Hàm lượng Spiramycin <i>Spiramycin content</i>	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 1,0 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Note: ND - Not detected (mean the test result is below the detection limit of the method-LOD)

Hà Nội, 16/03/2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA ĐBCL

On behalf of Director General

Head of Quality Assurance Laboratory

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 18-03-2021

16102 01

Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA

TS. Lê Thị Phương Thảo
Lê Thị Phương Thảo, PhD.



HỒNG CHỨNG VIỆN
Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu tại hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.